TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **02**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 12-01-2021 V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 448/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 448/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 448/2020/QĐHPT- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986, địa chỉ: Số A, tổ A 1, khu A 2, phường A 3, thành phố A 4, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1982, địa chỉ: Số B , đường ĐX B 1, tổ B2, khu B3, phường B4, thành phố A 4, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà B và ông M là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Định Hòa vào năm 2007. Sau khi kết hôn nhận thấy phát sinh nhiều mâu thuẫn, rạn nứt vợ chồng đã không thể hàn gắn. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do ông M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Do đó, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, mỗi lần cãi nhau thì dẫn đến đánh đập nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân

không thể kéo dài. Vì vậy, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M

- Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với ông Nguyễn Văn M
- Về con chung: Bà B, ông M có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc B Tr, sinh ngày 05/12/2010, sau khi ly hôn bà B sẽ nuôi dưỡng cháu Trâm
- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà B. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn tại nơi cư trú, địa phương và tại trụ sở Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông M đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà B và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một ngày 09/10/2007. Nay bà B có đơn xin ly hôn với ông M và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành

xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Bà B và ông M là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn số 94 ngày 09/10/2007 tại UBND phường Định Hòa là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà B cho rằng sau khi kết hôn, ông M không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, ông M thường xuyên đánh đập bà B từ đó dẫn đến sự mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà B và ông M hiện đã ly thân 6 tháng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng ông M, bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông M là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông M, bà B có 01 con chung cháu Nguyễn Ngọc B Tr, sinh ngày 05/12/2010, sau khi ly hôn bà B yêu cầu được nuôi cháu Tr. Xét thấy, cháu Tr hiện nay đang ở với mẹ và có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ ở với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con cháu Nguyễn Ngọc B Tr cho mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Nguyễn Văn M

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc B Tr, sinh ngày 05/12/2010

Không ai được quyền cản trở ông Nguyễn Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0050439 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Định Hòa;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thắm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thắm